TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2024/KDTM - ST
Ngày 18/7/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sơn**.

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22A/2024/QĐST-KDTM ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A.**

Địa chỉ trụ sở: 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp Luật: Ông: **Từ Tiến P** – Chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông: **Nguyễn Đình L** - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Quản lý nợ theo Giấy ủy quyền số 12xx/UQ-QLN.22 ngày 05/07/2022 của người đại diện theo pháp luật. Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà A, 4xx đường C, phường 11, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Uỷ quyền lại cho bà **Xà Thị Bích H**- Chức vụ: Nhân viên - Địa chỉ liên hệ: 2xx đường B, phường P, quận H, Tp Đà Nẵng theo Giấy uỷ quyền số 6xx/UQ-QLN.23 ngày 18/5/2023 của Phó giám đốc Phòng quản lý nợ Ngân hàng TMCP A. *Có mặt.*

2. Bị đơn: **Công ty TNHH P-** Trụ sở: Tổ 1x M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng - Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Anh P** - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. *Vắng mặt.*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông: **Phan Anh P** - Sinh năm: 1965 - Địa chỉ liên hệ: Tổ 1x phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

3.2. **Bà: Trần Thị Thùy P -** Sinh năm: 1970 - Địa chỉ liên hệ: Tổ 1x phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

3.3. **Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O -** Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà O, Lô A đường T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông: **Huỳnh Nam T** – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Hồ Thị Thu L** - Trú tại: Thôn A, xã , huyện P, tỉnh Quảng Nam theo Giấy uỷ quyền số 6xx/2023/GUQ/OCC ngày 07/11/2023. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

A cấp tín dụng bằng hình thức bảo lãnh ngân hàng cho Công ty TNHH P, căn cứ theo Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C số HOC.DN.2145.010xxx ngày 02/7/2019; Giấy đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh ngày 09/7/2019, ngày 15/10/2019, ngày 06/3/2020.

Để thực hiện thỏa thuận nêu trên, A đã phát hành các Thư bảo lãnh ngân hàng cho Công ty TNHH xây dựng dân dụng O, cụ thể như sau: A đã phát hành các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước vào các ngày 16/10/2019, 10/7/2019, 06/3/2020.

Vào ngày 17/3/2023, A đã thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh (trả thay cho Công ty TNHH P) đối với Bên nhận bảo lãnh là Công ty TNHH xây dựng dân dụng O theo Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 16/10/2019 (Số seri BLUT.HOC.35382.151xxx; Số tham chiếu 294193xxx) và Thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/12/2020. Do đó, Công ty TNHH P có nghĩa vụ nhận nợ và trả nợ cho A theo Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C số HOC.DN.2145.010xxx ngày 02/7/2019, lãi suất 150% lãi suất cho vay tối đa loại cao nhất của loại tiền tương ứng với loại tiền trả thay do A ấn định tại thời điểm trả thay.

Đồng thời, A chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 06/3/2020 (Số seri BLUT.HOC.7474.060xxx; Số tham chiếu 304478xxx) và Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 10/7/2019 (Số seri BLUT.HOC.21916.090xxx; Số tham chiếu 287592xxx) và Thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/12/2020 do chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ. Do đó, Công ty TNHH P chưa có nghĩa vụ nhận nợ và trả nợ cho A theo Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C và A chưa yêu cầu Công ty TNHH P phải thực hiện nghĩa vụ.

- Vi phạm hợp đồng: Vào ngày 17/3/2023 A đã thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh (trả thay cho Công ty TNHH P) đối với Bên nhận bảo lãnh là Công ty TNHH xây dựng dân dụng O. Cùng ngày, A đã ra Thông báo nghĩa vụ nợ yêu cầu Công ty TNHH P đến hết ngày 16/4/2023 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho A nhưng Công ty TNHH P chưa thanh toán cho A khoản tiền gốc và lãi nào.

- Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau:

a) Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013.

Tài sản thế chấp cho A căn cứ theo:

– Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn lền với đất số HOC.BĐDN.238.220xxx được công chứng tại Phòng công chứng số x, thành phố Đà Nẵng ngày 24/02/2016, số công chứng 17xx; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận N ngày 24/02/2016, số thứ tự 4xx; thay đổi nội dung đăng ký thế chấp ngày 01/6/2017 và ngày 11/6/2019.

– Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số HOC.BĐDN.289.220xxx được công chứng tại Phòng công chứng số x, thành phố Đà Nẵng ngày 25/02/2016, số công chứng 18xx.

– Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOC.BĐDN.238.220xxx/SĐBS.01 được công chứng tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng ngày 26/5/2017, số công chứng 52xx.

– Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOC.BĐDN.238.220xxx/SĐBS.02 được công chứng tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng ngày 11/6/2019, số công chứng 57xx.

– Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HOC.BĐDN.238.220xxx/SĐBS.03 được công chứng tại Phòng công chứng số 2, thành phố Đà Nẵng ngày 07/7/2020, số công chứng 38xx.

(Ghi chú: Tài sản bảo đảm nêu trên đang đồng thời đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng với A)

b) Bảo lãnh của ông Phan Anh P theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 01/12/2014, ngày 26/01/2016. Theo đó, Bên bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho Bên được bảo lãnh (Công ty TNHH P) các khoản nợ của Bên được bảo lãnh với A khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ được bảo lãnh bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được bảo lãnh với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký Chứng thư.

c) Bảo lãnh của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P theo Giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 25/5/2017. Theo đó, Bên cam kết đồng ý trả thay cho Bên được cấp tín dụng (Công ty TNHH P) các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với A khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được

cấp tín dụng với A (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH P trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 18/7/2024 là 541.051.684 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 445.300.489 đồng, lãi 95.751.195 đồng.

Buộc Công ty TNHH P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C, Thư bảo lãnh ngân hàng/Thư tu chỉnh bảo lãnh kể từ ngày 19/7/2024 cho đến ngày trả hết nợ.

Nếu Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì:

a). Tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013.

b). Bên bảo lãnh là ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ/Chứng thư bảo lãnh đã ký kết.

Dành cho A quyền khởi kiện trong vụ án khác về "tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh ngân hàng" đối với Công ty TNHH P và bên bảo đảm (ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P), khi A phải thực hiện nghĩa vụ trả thay cho Công ty TNHH P theo Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C, Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 06/3/2020 (Số seri BLUT.HOC.7474.060xxx; Số tham chiếu 304478xxx) và Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 10/7/2019 (Số seri BLUT.HOC.21916.090xxx; Số tham chiếu 287592xxx) và Thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/12/2020.

**** Tại bản tự khai, biên bản hoà giải tại Toà án bị đơn - đại diện Công ty TNHH P trình bày:***

Công ty hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hiện tại công ty còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/12/2023 là 499.539.919 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 445.300.489 đồng, lãi 54.239.430 đồng. Và phương án trả nợ như sau:

- Đợt 1: Trả 150.000.000 đồng vào ngày 30/5/2024.
- Đợt 2: Trả 150.000.000 đồng vào ngày 30/7/2024.
- Đợt 3: Trả số tiền gốc và lãi còn lại vào ngày 30/9/2024.

Trong trường hợp mà bên Công ty không thực hiện đúng như cam kết như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Phan Anh P trình bày: Ông đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn.

* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Trần Thị Thuỳ P: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O có ý kiến:

- Trong vụ án này, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ hay trách nhiệm nào đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O cũng không có bất kỳ hành vi nào xâm phạm trực tiếp hay gián tiếp đến quyền, lợi ích của Nguyên đơn.

Xem xét các vấn đề nêu trên và căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O kính đề nghị Quý Tòa không đưa Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp yêu cầu nêu trên không được chấp nhận, Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O xin phép Quý Tòa được vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên làm việc, phiên xét xử theo các giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng thời sẽ không đưa ra bất kỳ ý kiến, văn bản, tài liệu nào khác đến Quý Tòa trong vụ án này.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các bên đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng; thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty TNHH P. Buộc Công ty TNHH P phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 18/7/2024 là: 541.051.684 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 445.300.489 đồng, lãi 95.751.195 đồng. Công ty TNHH P tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày **19/7/2024** cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C, Thư bảo lãnh ngân hàng/Thư tu chỉnh bảo lãnh.

- Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất, tài

sản gắn liền với đất tại thửa đất số số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013.

- Về cam kết trả nợ/ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thuỳ P thực hiện nghĩa vụ theo Giấy cam kết về việc trả nợ mà ông P, bà P đã ký với Ngân hàng TMCP A ngày 25/5/2017, Chứng thư bảo lãnh ngày 26/01/2016, Chứng thư bảo lãnh 01/12/2014.

- Án phí, chí phí tố tụng bị đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH P; bị đơn - Công ty TNHH P có địa chỉ trụ sở: Tổ 1x đường M, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

Bị đơn - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P là ông Phan Anh P đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Trần Thị Thuỳ P, đại diện Công ty TNHH Xây dựng dân dụng O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng bằng hình thức bảo lãnh ngân hàng cho Công ty TNHH P, căn cứ theo Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C số HOC.DN.2145.010xxx ngày 02/7/2019; Giấy đề nghị phát hành cam kết bảo lãnh ngày 09/7/2019, ngày 15/10/2019, ngày 06/3/2020.

Để thực hiện thỏa thuận nêu trên, Ngân hàng TMCP A đã phát hành các Thư bảo lãnh ngân hàng cho Công ty TNHH xây dựng dân dụng O, cụ thể như sau: A đã phát hành các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước vào các ngày 16/10/2019, 10/7/2019, 06/3/2020.

Vào ngày 17/3/2023, Ngân hàng TMCP A đã thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh (trả thay cho Công ty TNHH P) đối với Bên nhận bảo lãnh là Công ty TNHH xây dựng dân dụng O theo Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 16/10/2019 (Số seri BLUT.HOC.35382.151xxx; Số tham chiếu 294193xxx) và Thư tu chỉnh bảo lãnh

ngày 01/12/2020.

Xét thấy Thoả thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C số HOC.DN.2145.010xxx ngày 02/7/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A với Công ty TNHH P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Thoả thuận đã ký kết nói trên.

Vào ngày 17/3/2023 Ngân hàng TMCP A đã thực hiện một phần nghĩa vụ bảo lãnh (trả thay cho Công ty TNHH P) đối với Bên nhận bảo lãnh là Công ty TNHH xây dựng dân dụng O. Cùng ngày, Ngân hàng TMCP A đã ra Thông báo nghĩa vụ nợ yêu cầu Công ty TNHH P đến hết ngày 16/4/2023 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A nhưng Công ty TNHH P chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP A khoản tiền gốc và lãi nào. HĐXX xét thấy Công ty TNHH P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc buộc Công ty TNHH P phải trả số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2024 là: 541.051.684 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 445.300.489 đồng, lãi 95.751.195 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

[2.2] Công ty TNHH P tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày **19/7/2024** cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C, Thư bảo lãnh ngân hàng/Thư tu chỉnh bảo lãnh là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013 (đã được Toà án nhân dân quận N tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 10/01/2024) theo Điều 299, Điều 303 của BLDS 2015.

[2.4] Về cam kết trả nợ/ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thuỳ P thực hiện cam kết trả nợ thay cho Công ty TNHH P theo Giấy cam kết về việc trả nợ mà ông P, bà P đã ký với Ngân hàng TMCP A ngày 25/5/2017, Chứng thư bảo lãnh ngày 26/01/2016, Chứng thư bảo lãnh ngày 01/12/2014. HĐXX xét thấy Giấy cam kết về việc trả

nợ/Chứng thư bảo lãnh mà ông P, bà P đã ký với Ngân hàng TMCP A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 335, 340 BLDS năm 2015 nên cần chấp nhận.

[2.5] Đối với các chứng thư mà Ngân hàng TMCP A chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 06/3/2020 (Số seri BLUT.HOC.7474.060xxx; Số tham chiếu 304478xxx) và Thư bảo lãnh hoàn tiền ứng trước ngày 10/7/2019 (Số seri BLUT.HOC.21916.090xxx; Số tham chiếu 287592xxx) và Thư tu chỉnh bảo lãnh ngày 01/12/2020 do chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng yêu cầu bà Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp 5.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng: Buộc Công ty TNHH P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng chi phí trước đó nên cần buộc Công ty TNHH P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[4] Án phí KDTM sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điều 157; điều 158; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 299, 303, 335, 340 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với Công ty TNHH P về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Xử: Buộc Công ty TNHH P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2024 là: **541.051.684 đồng**, trong đó gồm: vốn gốc 445.300.489 đồng, lãi 95.751.195 đồng

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ 19/7/2024 theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận cấp bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C, Thư bảo lãnh ngân hàng/Thư tu chỉnh bảo lãnh cho đến khi Công ty TNHH P thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 9x, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ: Tổ 1x, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thùy P có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CTs 183xxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019; Giấy phép xây dựng số 0x/GPXD do UBND quận N cấp ngày 11/01/2013 (đã được Toà án nhân dân quận N tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 10/01/2024) theo Điều 299, Điều 303 của BLDS 2015.

3. Về cam kết trả nợ/thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Buộc ông Phan Anh P và bà Trần Thị Thuỳ P thực hiện nghĩa vụ theo Giấy cam kết về việc trả nợ mà ông P, bà P đã ký với Ngân hàng TMCP A ngày 25/5/2017, Chứng thư bảo lãnh ngày 26/01/2016, Chứng thư bảo lãnh ngày 01/12/2014.

4. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu **25.642.067.đồng** *(Hai mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng)*

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí **11.055.000 đồng** *(Mười một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 16xx ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng buộc Công ty TNHH P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**